

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 238 THÁNG 4 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 238 tháng 4 năm 2017.

1. Tính ổn định của hàm cầu tiền tại Việt Nam/ Phạm Đình Long, Nguyễn Đức Khoa// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 2 – 12

Tóm tắt: Nghiên cứu khảo sát tính ổn định của hàm cầu tiền thực tại Việt Nam giai đoạn 2004-2014, sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy và kiểm định tổng phần dư tích lũy. Kết quả cho thấy tồn tại mối quan hệ trong dài hạn và bền vững của hàm cầu tiền M2 với chỉ số giá tiêu dùng, giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ giá hối đoái địa phương, giá vàng, chỉ số chứng khoán VN-Index, lãi suất huy động tiền gửi, lãi suất trái phiếu kho bạc và lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ. Cùng một thao tác kiểm định, hàm cầu tiền M1 cho kết quả không ổn định trong dài hạn. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn khảo sát tính ổn định của các mô hình chứa biến chỉ số giá tiêu dùng, giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ giá hối đoái đa phương, tỷ giá hối đoái song phương dựa trên mô hình hàm cầu tiền M2 ban đầu. Kết quả chỉ có mô hình đối với giá trị sản xuất công nghiệp là ổn định trong ngắn hạn và dài hạn.

Từ khóa: Phân phối trễ tự hồi quy; Hàm cầu tiền; Tính ổn định của hàm cầu tiền

2. Phát triển thị trường tín dụng và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam/ Lê Quốc Hội, Lê Văn Chiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 13 – 21

Tóm tắt: Phát triển tài chính có thể tác động theo nhiều cách khác nhau tới phân phối thu nhập. Thông qua phân tích dữ liệu cấp tỉnh và bằng phương pháp ước lượng Moment tổng quát, nghiên cứu này kiểm định tác động của độ sâu thị trường tín dụng, một trong số các thước đo phát triển tài chính được sử dụng phổ biến nhất, tới bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Kết quả cho thấy sự mở rộng thị trường tín dụng làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Trên cơ sở đó bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm kết hợp phát triển thị trường tín dụng với giảm bất bình đẳng thu nhập.

Từ khóa: Phát triển tài chính; Bất bình đẳng; Việt Nam

3. Tác động phi tuyến của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng từ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương/ Nguyễn Vũ Hùng, Phạm Đức Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 22 – 29

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu cơ chế tác động phi tuyến của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế. Sử dụng kỹ thuật ước lượng SGMM của Arellano và Bond (1991) và bộ dữ liệu mảng cho 30 quốc gia đang phát triển Châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn 1996-2015, nghiên cứu xác nhận sự tồn tại của mối quan hệ phi tuyến tính dạng chữ U giữa kiều hối và tăng trưởng kinh tế. Theo đó, kiều hối có thể làm suy giảm tăng trưởng trong giai đoạn đầu, nhưng về sau sẽ thúc đẩy tăng trưởng trở lại. Điều này xảy ra do ban đầu kiều hối có thể được dành cho tiêu dùng, đầu tư không sinh lời. Sau khi vượt qua nhu cầu tiêu dùng, kiều hối sẽ dần hướng vào các khu vực sinh lời tốt hơn.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế; Kiều hối; SGMM; Châu Á - Thái Bình Dương; Phi tuyến

4. Đánh giá tác động của tăng trưởng kinh tế và thương mại quốc tế đến phát thải CO₂ ở Việt Nam – Tiếp cận qua mô hình ARDL/ Lê Trung Thành, Nguyễn Đức Khương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 30 – 40

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm mục đích kiểm tra tác động của những nhân tố chính trong quá trình tăng trưởng kinh tế và mở cửa thương mại đến lượng phát thải CO₂ ở Việt Nam? Mô hình tự hồi quy trung bình trượt (ARDL) được sử dụng để đánh giá tác động theo giả thuyết đường cong môi trường Kuznets (EKC) và giả thuyết nơi trú ẩn ô nhiễm (PHH) trong thời gian 1990-2011. Kết quả cho thấy tăng trưởng kinh tế, tiêu thụ năng lượng, phát triển tài chính và độ mở thương mại ảnh hưởng cùng chiều lên lượng phát thải CO₂, trong khi đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động ngược chiều trong ngắn hạn. Ngoài ra, tác giả không tìm thấy bằng chứng về việc tham gia ASEAN sẽ gây tác động xấu tới môi trường. Điều này ủng hộ tính hợp lệ của giả thuyết EKC và PHH tại Việt Nam cũng như đề xuất sử dụng năng lượng xanh, áp dụng các biện pháp và chính sách thương mại liên quan đến tăng cường bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững.

Từ khóa: Giả thuyết EKC; Giả thuyết PHH; Tăng trưởng kinh tế; Khí thải CO₂, ARDL

5. Giải pháp phát triển nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam/ Nguyễn Thị Chính// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 41 – 48

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích thực trạng nguồn thu và các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam giai đoạn 2010-2015. Kết quả cho thấy: nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam tăng lên đáng kể do số lượng người tham gia, mức tiền lương làm cơ sở đóng và tỷ lệ phí đóng bảo hiểm y tế đều tăng. Tuy nhiên, việc tăng nguồn thu vẫn chưa đảm bảo được các khoản chi và cân đối quỹ bảo hiểm y tế. Điều này là do nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế chịu nhiều tác động từ các yếu tố như: chính sách pháp luật bảo hiểm y tế, điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia, chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, công tác thanh kiểm tra và giám sát bảo hiểm y tế... Việc phân tích các yếu tố tác động trên là cơ sở đề xuất những giải pháp phát triển nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Bảo hiểm y tế; Quỹ bảo hiểm y tế; Nguồn thu quỹ bảo hiểm y tế

6. Ảnh hưởng của khác biệt loại hình sở hữu lên hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam/ Phạm Đức Cường, Trần Quang Tiến// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 49 – 57

Tóm tắt: Bài viết so sánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân trong cùng khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2015. Bài viết sử dụng các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các doanh nghiệp hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và so sánh hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu tài chính. Kết quả nghiên cứu thể hiện rằng doanh nghiệp nhà nước tốt hơn doanh nghiệp tư nhân về hiệu quả hoạt động (qua các chỉ tiêu ROA, ROE, ROI) và khả năng kiểm soát chi phí, nếu tính theo giá trị sổ sách kế toán. Tuy nhiên về góc độ thị trường (hệ số Tobin's Q) các doanh nghiệp tư nhân được đánh giá cao hơn. Kết quả nghiên cứu đề xuất rằng chính phủ cần tạo môi trường kinh doanh công bằng, bỏ những rào cản doanh nghiệp tư nhân đang đối mặt, tiếp tục chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước và các giải pháp nội sinh thúc đẩy phát triển trong các doanh nghiệp, bất kể hình thức sở hữu.

Từ khóa: Khác biệt loại hình sở hữu; Hiệu quả hoạt động; Doanh nghiệp Việt Nam

7. Năng lực của nhà quản trị cấp trung trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam/ Lê Quân, Đỗ Vũ Phương Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 58 – 66

Tóm tắt: Nhà quản trị cấp trung đóng vai trò trong việc tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch của doanh nghiệp. Trong bối cảnh hiện nay, các doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng năng lực của nhà quản trị cấp trung để xây dựng và phát triển lợi thế cạnh tranh bằng những công cụ quản trị phù hợp. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu) và định lượng (phương pháp đánh giá mức độ quan trọng tương đối của các yếu tố (RII)) để xác định các năng lực cần thiết với nhà quản trị cấp trung doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 21 năng lực cần thiết được chia thành ba nhóm năng lực gồm nhóm năng lực chuyên môn, nhóm năng lực quản lý, điều hành, nhóm năng lực quản trị bản thân. Với kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã đưa ra căn cứ quan trọng cho hoạt động quản trị nhân lực với nhà quản trị cấp doanh nghiệp Việt Nam dựa trên năng lực.

Từ khóa: Năng lực; Năng lực của nhà quản trị cấp trung; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam

8. Phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008-2015 và những khuyến nghị/ Trần Quang Huy, Trần Xuân Kiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 67 – 73

Tóm tắt: Trong những năm vừa qua, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008-2015 khá cao với mức trung bình 12,8%/năm, đặc biệt trong 2 năm 2015-2016 tăng trưởng kinh tế đạt trên 22%. Phát triển kinh tế đã có nhiều tác động tích cực tới mọi mặt của đời sống xã hội ở Tỉnh. Để tiếp tục phát triển một cách toàn diện về kinh tế và xã hội, tỉnh Thái Nguyên cần có những biện pháp nâng cao trình độ và trang bị kiến thức nghề nghiệp cho lực lượng lao động, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đổi mới và nâng cao hiệu quả theo hướng nghiên cứu ứng dụng trực tiếp, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở phát triển kinh tế bền vững, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển gắn liền với mục tiêu chất lượng dài hạn và gắn với hệ thống các chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia, chỉ tiêu phát triển bền vững vùng.

Từ khóa: Phát triển kinh tế; Giảm nghèo; Bất bình đẳng; Chất lượng cuộc sống

9. Vận dụng mô hình Faustman vào xác định chu kỳ kinh doanh rừng trồng bạch đàn tối ưu tại tỉnh Lạng Sơn/ Vũ Thị Minh, Nguyễn Hữu Dũng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 74 – 82

Tóm tắt: Một trong những mục tiêu quan trọng của các nhà kinh doanh lâm nghiệp là xác định chính xác chu kỳ kinh doanh tối ưu, hay tuổi rừng nên được khai thác, nhằm đạt được hiệu quả lợi nhuận cao nhất. Bài viết này xác định chu kỳ kinh doanh cho rừng trồng bạch đàn tại tỉnh Lạng Sơn, sử dụng mô hình Faustman đã biến đổi cho phép chi phí và giá bán gỗ biến động theo thời gian dưới ảnh hưởng của lạm phát. Kết quả cho thấy chủ rừng tại Lạng Sơn nên kéo dài chu kỳ kinh doanh hiện tại (khoảng 7 năm) lên 15 năm để đạt được lợi nhuận tối đa 147.912.976 đồng/ha. Nghiên cứu cũng cho thấy, rừng hiện nay đang bị khai thác sớm chủ yếu do 3 lý do chính: (1) Chủ rừng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không yên tâm nuôi rừng; (2) Thiếu kiến thức về chu kỳ kinh doanh tối ưu; và (3) Khó khăn về tài chính. Trong đó khó khăn về tài chính có ảnh hưởng đặc biệt lớn. Vì vậy, để hỗ trợ người trồng rừng kéo dài chu kỳ kinh doanh, Nhà nước cần chú trọng vào ba yếu tố cơ bản là: đảm bảo quyền sử dụng đất lâm nghiệp lâu dài cho người trồng rừng, giúp họ có kiến thức kinh doanh trồng rừng tốt, và thiết lập cơ chế tín dụng hiệu quả để chủ rừng có khả năng tài chính nuôi giữ rừng tới khi đạt lợi nhuận tối ưu.

Từ khóa: Bạch đàn; Mô hình Faustman; Kinh doanh rừng; Thời điểm khai thác

10. Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại các siêu thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ/ Huỳnh Thanh Nhã// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 83 – 91

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại các siêu thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nhằm đề xuất một số khuyến

ngợi giúp các doanh nghiệp tạo thêm động lực làm việc cho người lao động. Một cuộc khảo sát được tiến hành với sự tham gia của 195 nhân viên của các siêu thị ở Cần Thơ. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính được sử dụng để kiểm định các thang đo và tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố Bản chất và mục tiêu công việc, Sự tự chủ trong công việc và Lương, thưởng, phúc lợi tác động tích cực đến động lực làm việc của nhân viên tại các siêu thị ở thành phố Cần Thơ.

Từ khóa: Động lực làm việc; Nhân viên; Siêu thị; Thành phố Cần Thơ

11. Tính đầu tư của giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/ Đặng Thị Lệ Xuân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 238 tháng 4/2017 .- Tr. 92 – 102

Tóm tắt: Giáo dục đại học đã qua thời hàn lâm, chỉ dành cho một nhóm nhỏ tinh hoa. Giờ đây, giáo dục đại học mang tính đại chúng với số lượng sinh viên tăng nhanh hàng năm. Như một hệ quả tất yếu, ngân sách quốc gia không thể bao cấp cho lượng sinh viên khổng lồ nên Chính phủ có xu hướng chia sẻ học phí đại học cho các cá nhân. Điều này đã vấp phải không ít phản đối từ người dân. Bài viết phân tích dưới góc độ lý thuyết về tính chất đầu tư của giáo dục đại học và chứng minh bằng thực tiễn quốc tế lợi ích của đầu tư vào giáo dục đại học của các cá nhân thông qua các chỉ tiêu cơ bản của kinh tế đầu tư cũng như cơ hội việc làm, thu nhập cao và chất lượng cuộc sống cũng cao hơn cho các cá nhân.

Từ khóa: Giáo dục; Đầu tư; Giáo dục đại học; Lợi ích cá nhân; Lợi ích xã hội

Trung tâm Thông tin Thư viện